ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 22 /2023/QĐ-UBND	*Quảng Ninh, ngày 04 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành quy định về cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật tổ chức Chính phủ và luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 277/TTr-TNMT ngày 20 tháng 7 năm 2023; Báo cáo thẩm định số 93/BC-STP ngày 04 tháng 4 năm 2023 của Sở Tư pháp và ý kiến các thành viên Uỷ ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

Điều 3. Các ông, bà: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- UBMTTQVN, các Đoàn thể tỉnh;
- VP: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Ban tiếp Công dân tỉnh;
- Công báo tỉnh; TTTT;
- V0, V1, QLĐĐ1-3,
- Lưu: VT, QLĐĐ1.

06 bản QĐ39

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH

Cao Tường Huy

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

(Kèm theo Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 04/ 8 /2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết về cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai đã có hiệu lực pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các bên trong giải quyết tranh chấp đất đai (gồm tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) mà bên phải chấp hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật nhưng không tự nguyện chấp hành.

2. Người có thẩm quyền, cơ quan, tổ chức chịu trách nhiệm tổ chức cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai.

Điều 3. Nguyên tắc cưỡng chế

Nguyên tắc cưỡng chế được thực hiện theo quy định tại khoản 59 Điều 2 của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.

Điều 4. Điều kiện thực hiện cưỡng chế

Điều kiện cưỡng chế được thực hiện theo quy định khoản 59 Điều 2 của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.

Điều 5. Thẩm quyền ban hành quyết định cưỡng chế và thời gian thực hiện thủ tục cưỡng chế

Thẩm quyền ban hành và trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế được thực hiện theo quy định tại tại khoản 59 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.

Chương II
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THỰC HIỆN CƯỠNG CHẾ

Điều 6. Nộp đơn yêu cầu thi hành quyết định.

Sau khi quyết định giải quyết tranh chấp đất đã có hiệu lực mà bên phải thi hành quyết định tranh chấp đất đai và các bên liên quan không tự nguyện chấp hành thì bên được thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai nộp đơn yêu cầu thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai tại UBND cấp huyện (thông qua Ban tiếp Công dân cấp huyện).

Ban tiếp Công dân cấp huyện có trách nhiệm tiếp nhận đơn và chuyển đến Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cùng cấp để chỉ đạo.

Điều 7. Ban hành quyết định thành lập Ban thực hiện cưỡng chế, quyết định cưỡng chế.

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, ký ban hành quyết định cưỡng chế, quyết định thành lập Ban thực hiện cưỡng chế.

Quyết định cưỡng chế, quyết định thành lập Ban thực hiện cưỡng chế được niêm yết tại nhà sinh hoạt cộng đồng, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất bị cưỡng chế, cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Thời gian thực hiện cưỡng chế (theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 61 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ).

Điều 8. Nội dung quyết định cưỡng chế, quyết định thành lập Ban Thực hiện cưỡng chế

1. Quyết định cưỡng chế phải có các nội dung cơ bản sau (theo Mẫu số 01-CC ban hành kèm theo Quy định này):

a) Biện pháp cưỡng chế được áp dụng; thời gian, địa điểm tổ chức cưỡng chế; tài sản cưỡng chế.

b) Cơ quan chủ trì thực hiện cưỡng chế; đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế;

Người có thẩm quyền ban hành quyết định cưỡng chế phân công cơ quan chủ trì thực hiện cưỡng chế trên nguyên tắc căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của cơ quan cơ quan chủ trì cưỡng chế.

c) Cơ quan có trách nhiệm tham gia, phối hợp;

2. Quyết định thành lập Ban thực hiện cưỡng chế phải có các nội dung cơ bản sau (theo Mẫu số 02-BCC ban hành kèm theo Quy định này):

a) Thành phần Ban thực hiện cưỡng chế (khoản 59 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai).

b) Nhiệm vụ cưỡng chế, cơ quan có trách nhiệm tham gia phối hợp

Tùy từng vụ việc cụ thể theo yêu cầu để thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai đã có hiệu lực pháp luật, cơ quan tham mưu xác định nhiệm

vụ cụ thể của Ban thực hiện cưỡng chế, của các thành viên Ban thực hiện cưỡng chế và của cơ quan tham gia phối hợp.

Điều 9. Gửi quyết định cưỡng chế

1. Ngay sau khi ra quyết định cưỡng chế, quyết định thành lập Ban thực hiện cưỡng chế, người có thẩm quyền quyết định phải tổ chức gửi quyết định cưỡng chế, quyết định thành lập Ban thực hiện cưỡng chế cho cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Quyết định cưỡng chế được giao trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện bằng hình thức bảo đảm cho người bị cưỡng chế.

Đối với trường hợp quyết định được giao trực tiếp mà cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế cố tình không nhận thì Ban thực hiện cưỡng chế lập biên bản về việc không nhận quyết định có xác nhận của chính quyền địa phương và được coi là quyết định đã được giao.

Đối với trường hợp gửi qua bưu điện bằng hình thức bảo đảm, nếu sau thời hạn 10 ngày, kể từ ngày quyết định cưỡng chế đã được gửi qua đường bưu điện đến lần thứ ba mà bị trả lại do cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế cố tình không nhận; quyết định cưỡng chế đã được niêm yết tại khoản 1 Điều 7 của Bản quy định này thì được coi là quyết định đã được giao.

Điều 10. Xây dựng kế hoạch cưỡng chế

1. Ban thực hiện cưỡng chế có trách nhiệm thu thập thông tin, khảo sát hiện trạng nơi tiến hành cưỡng chế, chủ trì xây dựng kế hoạch cưỡng chế (theo Mẫu số 03-KHCC ban hành kèm theo Quy định này) trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định thành lập Ban thực hiện cưỡng chế.

2. Kế hoạch cưỡng chế phải có các nội dung cơ bản sau:

a) Mục đích, yêu cầu của việc cưỡng chế;

b) Thời gian, địa điểm, tiến độ thực hiện cưỡng chế;

c) Nội dung cưỡng chế: Phương tiện, công cụ phục vụ, hỗ trợ cưỡng chế; dự kiến các tình huống phát sinh và phương án ứng phó; thành phần, lực lượng tham gia cưỡng chế; thành phần phối hợp;

d) Kinh phí thực hiện cưỡng chế;

đ) Phương án bố trí nơi ở cho người phải di chuyển chỗ ở khi thực hiện cưỡng chế, phương án bảo quản tài sản di dời khỏi nơi cưỡng chế (nếu có);

e) Trách nhiệm thực hiện.

3. Trưởng ban thực hiện cưỡng chế phải tổ chức họp triển khai và phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong Ban thực hiện cưỡng chế để tổ chức thực hiện; phối hợp với cơ quan báo chí, đài truyền thanh, đài truyền hình (nếu cần thiết) để kịp thời thông tin, tuyên truyền đến người dân.

Điều 11. Vận động, giải thích, thuyết phục, đối thoại và thông báo cưỡng chế

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày Kế hoạch cưỡng chế được phê duyệt, Ban thực hiện cưỡng chế phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam cấp xã tiến hành thông báo, vận động, giải thích, thuyết phục, đối thoại đối tượng bị cưỡng chế; người có quyền và nghĩa vụ liên quan (nếu cần thiết); tùy từng trường hợp cụ thể, Ban Thực hiện cưỡng chế mời đại diện tổ chức chính trị - xã hội cùng tham gia.

2. Nếu đối tượng bị cưỡng chế tự nguyện thi hành thì Ban thực hiện cưỡng chế lập biên bản công nhận sự tự nguyện thi hành và được thành phần tham dự, đối tượng bị cưỡng chế ký tên hoặc điểm chỉ; nội dung tự nguyện thi hành phải được tổ chức thực hiện ngay sau khi lập biên bản dưới sự giám sát của Ban thực hiện cưỡng chế.

3. Nếu đối tượng bị cưỡng chế không tự nguyện chấp hành, Ban thực hiện cưỡng chế lập biên bản về việc vận động, giải thích, thuyết phục, đối thoại không thành và thông báo thời gian cưỡng chế bằng văn bản. Thời hạn cưỡng chế sau 03 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo. Thông báo cưỡng chế phải có các nội dung cơ bản: Đối tượng bị cưỡng chế; thời gian, địa điểm cưỡng chế; yêu cầu đối tượng bị cưỡng chế, người có quyền và nghĩa vụ liên quan có tài sản trên đất phải di dời tài sản ra khỏi nơi thực hiện cưỡng chế.

Trường hợp đối tượng bị cưỡng chế vắng mặt hoặc có mặt mà không hợp tác, từ chối ký biên bản thì việc đó phải ghi vào biên bản và nêu rõ lý do.

Điều 12. Trình tự thực hiện cưỡng chế

1. Trên cơ sở quyết định cưỡng chế, kế hoạch cưỡng chế đã được phê duyệt, Ban Thực hiện cưỡng chế phối hợp với các cơ quan tiến hành cưỡng chế ngoài thực địa:

a) Trường hợp đối tượng bị cưỡng chế, người có nghĩa vụ liên quan cố tình vắng mặt thì vẫn tiến hành cưỡng chế nhưng phải có đại diện của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cưỡng chế và 02 người chứng kiến (không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan). Việc tháo dỡ nhà, vật kiến trúc, các công trình phụ..., di dời tài sản, vật nuôi ra khỏi nơi cưỡng chế thực hiện như đối với trường hợp đối tượng bị cưỡng chế, người có nghĩa vụ liên quan không tự nguyện thực hiện hoặc không nhận tài sản quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

b) Trước khi cưỡng chế, nếu đối tượng bị cưỡng chế tự nguyện chấp hành thì Ban Thực hiện cưỡng chế lập thủ tục theo khoản 2 Điều 11 Quy định này.

c) Việc cưỡng chế phải được lập thành biên bản và giao cho người bị cưỡng chế một bản; biên bản ghi rõ: Thời gian, địa điểm, cơ quan chủ trì thực hiện cưỡng chế, cơ quan phối hợp cưỡng chế; cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế; đại diện chính quyền địa phương và người chứng kiến; biện pháp cưỡng chế đã áp dụng, địa điểm cưỡng chế, hiện trạng đất khi cưỡng chế, diễn biến quá trình cưỡng chế, kết quả thực hiện cưỡng chế và phải được thành phần tham dự cưỡng

chế ký tên hoặc điểm chỉ; trường hợp đối tượng bị cưỡng chế vắng mặt hoặc từ chối ký biên bản thì phải ghi lý do vào biên bản.

2. Ban thực hiện cưỡng chế có quyền buộc người bị cưỡng chế và những người có liên quan phải ra khỏi khu đất cưỡng chế, tự chuyển tài sản ra khỏi khu đất cưỡng chế; nếu không thực hiện thì Ban thực hiện cưỡng chế có trách nhiệm di chuyển người bị cưỡng chế và người có liên quan cùng tài sản ra khỏi khu đất cưỡng chế.

Khi thực hiện cưỡng chế mà người bị cưỡng chế từ chối nhận tài sản đã di dời ra khỏi khu đất cưỡng chế thì Ban thực hiện cưỡng chế giao tài sản cho Ủy ban nhân dân cấp xã bảo quản tài sản theo quy định của pháp luật. Chi phí bảo quản tài sản đó do người bị cưỡng chế chịu trách nhiệm thanh toán.

3. Ngay sau khi thực hiện xong cưỡng chế ngoài thực địa, Ban thực hiện cưỡng chế đề nghị cơ quan chức năng đo đạc và lập biên bản bàn giao đất cho người sử dụng hợp pháp, biên bản bàn giao đất phải có chữ ký của đại diện đoàn cưỡng chế, đối tượng nhận bàn giao đất, đối tượng bị cưỡng chế, người chứng kiến và xác nhận của đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cưỡng chế; trường hợp đối tượng bị cưỡng chế từ chối ký biên bản thì phải nêu rõ lý do.

Người nhận bàn giao đất có trách nhiệm quản lý, sử dụng đất kể từ ngày bàn giao theo quy định của pháp luật.

5. Sau khi kết thúc việc cưỡng chế ngoài thực địa, Ban thực hiện cưỡng chế họp đánh giá kết quả thực hiện vụ việc cưỡng chế và báo cáo kết quả cưỡng chế đến người có thẩm quyền ban hành quyết định cưỡng chế. Báo cáo kết quả tổ chức vụ việc cưỡng chế gồm có các nội dung: Quá trình thực hiện cưỡng chế, kết quả cưỡng chế; nêu thuận lợi, khó khăn; bài học kinh nghiệm và kiến nghị (nếu có).

Điều 13. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý trường hợp tái lấn, chiếm đất

1. Đối tượng bị cưỡng chế có quyền khiếu nại, tố cáo hoặc khởi kiện việc thực hiện cưỡng chế theo quy định.

2. Trường hợp đối tượng bị cưỡng chế, người có nghĩa vụ liên quan tái lấn, chiếm đất thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền hoặc kịp thời báo cáo với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để chỉ đạo lập biên bản và xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Lập dự toán, thẩm quyền phê duyệt dự toán và kinh phí thực hiện

1. Lập dự toán và thẩm quyền phê duyệt dự toán: Căn cứ vào Kế hoạch cưỡng chế được cấp có thẩm quyền phê duyệt; nội dung chi, khối lượng công việc dự kiến phát sinh, đơn vị chủ trì thực hiện cưỡng chế lập dự toán chi phí cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai đảm bảo tiêu chuẩn,

định mức quy định hiện hành (nếu có); gửi phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện để thẩm định và trình UBND cấp huyện phê duyệt dự toán.

2. Kinh phí thực hiện cưỡng chế: Ngân sách nhà nước đảm bảo chi phí cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách hiện hành.

Điều 15. Trách nhiệm của các sở, ngành

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

Chủ trì phối hợp với các sở, ngành; UBND cấp huyện hướng dẫn giải quyết vướng mắc trong quá trình thực hiện quyết định này.

2. Công an nhân dân cấp huyện căn cứ vào phương án cưỡng chế để xây dựng kế hoạch bảo vệ trật tự, an toàn trong quá trình tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế.

3. Sở Tài chính hướng dẫn UBND cấp huyện giải quyết vướng mắc về kinh phí cưỡng chế trong quá trình thực hiện quyết định này.

4. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan

a. Các sở, ngành có liên quan:

Theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với UBND cấp huyện giải quyết khó khăn, vướng mắc liên quan đến lĩnh vực của ngành khi UBND cấp huyện có yêu cầu.

b. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan

Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chủ trì thực hiện cưỡng chế, Ban thực hiện cưỡng chế khi có yêu cầu, tạo điều kiện để cơ quan thực hiện cưỡng chế hoàn thành nhiệm vụ được phân công.

Điều 16. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế quyết định giải quyết tranh chấp đất đai đã có hiệu lực pháp luật.

2. Tiếp nhận, giải quyết các kiến nghị, phản ánh, khiếu nại có liên quan đến việc cưỡng chế theo quy định của pháp luật.

3. Hàng năm bố trí dự toán ngân sách địa phương phục vụ công tác quản lý đất đai, cưỡng chế đất đai.

Điều 17. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện cưỡng chế

1. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thi hành quyết định cưỡng chế có trách nhiệm phối hợp với Ban Thực hiện cưỡng chế vận động, giải thích, thuyết phục đối tượng cưỡng chế; tổ chức thực hiện việc giao, niêm yết công khai quyết định cưỡng chế; tham gia thực hiện cưỡng chế; di chuyển, bảo quản tài sản của đối tượng bị cưỡng chế đối với trường hợp không nhận tài sản do Ban thực hiện cưỡng chế bàn giao.

2. Cử lực lượng tham gia công tác cưỡng chế; phối hợp di chuyển người và tài sản (nếu có) ra khỏi nơi cưỡng chế; bảo quản và lưu giữ tài sản của người bị cưỡng chế trong trường hợp không có người nhận tài sản hoặc người bị cưỡng chế từ chối nhận tài sản.

3. Các trách nhiệm khác khi được giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Điều khoản chuyển tiếp

Các quyết định giải quyết tranh chấp đất đai ban hành trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành mà bên phải thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai không tự nguyện chấp hành và chưa tổ chức cưỡng chế thì thực hiện cưỡng chế theo Quy định tại Quyết định này.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Các ông, bà: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

2. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Chánh Thanh tra tỉnh theo dõi, kiểm tra việc tổ chức thực hiện.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Mẫu số 01-CC

ỦY BAN NHÂN DÂN **(CẤP HUYỆN)** --- Số: .../QĐ-UBND	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** --- *....., ngày ... tháng ... năm ...*

QUYẾT ĐỊNH

Cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai đã có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số ..../QĐ-UBND ngày .... Về việc giải quyết tranh chấp đất đai....

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số...../TTr-PTNMT ngày ...tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cưỡng chế thi hành Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch UBND (tỉnh hoặc cấp huyện) về việc giải quyết tranh chấp đất đai đối với:

Ông (Bà)/Tổ chức:

.....

Ngày ... tháng ... năm sinh ..... Quốc tịch:

.....

Nghề nghiệp/lĩnh vực hoạt động:

.....

Địa chỉ:

.....

.....

Giấy CMND/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD số: .....

Cấp ngày: ..... Nơi cấp: .....

Lý do áp dụng: Do ông (bà)/tổ chức không thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai đã có hiệu lực pháp luật.

Biện pháp cưỡng chế: .....

Thời gian thực hiện: .....ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

Địa điểm thực hiện:

.....;

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm .....

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao/Gửi cho ông (bà)/tổ chức ..... để chấp hành.

Ông (Bà)/Tổ chức vi phạm có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Giao ..... để tổ chức thực hiện Quyết định này./.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH
(Ký tên, đóng dấu)
(Ghi rõ chức vụ, họ tên)

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: Hồ sơ.

Mẫu số 02-BCC

ỦY BAN NHÂN DÂN **(CẤP HUYỆN)** --- Số: .../QĐ-UBND	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** --- *....., ngày ... tháng ... năm ...*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Ban Thực hiện cưỡng chế

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số ..../QĐ-UBND ngày .... Về việc giải quyết tranh chấp đất đai....

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số .../TTr-PTNMT ngày ...tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Thực hiện cưỡng chế, gồm các ông (bà) có tên sau đây:

1. ....., Trưởng ban;

2. ....., Phó Trưởng ban (nếu có);

3. ....., thành viên;

Điều 2. Ban Thực hiện cưỡng chế có nhiệm vụ

.....

Giao cho Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo, theo dõi, giúp Chủ tịch UBND (cấp huyện) xử lý theo thẩm quyền các kiến nghị của Ban Thực hiện cưỡng chế.

Điều 4. Các ông (bà) có tên tại Điều 1 và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Mẫu số 03-KHCC

UBND (CẤP HUYỆN) **TÊN CƠ QUAN CHỦ TRÌ** -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

....., ngày ... tháng ... năm ...

KẾ HOẠCH TIẾN HÀNH CƯỠNG CHẾ

Thực hiện Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ..../..../..... của ..... về việc ....., Ban Thực hiện cưỡng chế lập kế hoạch tiến hành cưỡng chế như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

.....

2. Yêu cầu

.....

II. Nội dung cưỡng chế

1. Thời gian cưỡng chế:

.....

2. Địa điểm cưỡng chế:

.....

3. Nội dung cưỡng chế:

.....

4. Phương án cưỡng chế:

.....

5. Dự kiến tình huống phát sinh và phương án ứng phó:

.....

6. Phương án bố trí nơi ở cho người phải di chuyển chỗ ở, phương án bảo quản tài sản di dời khỏi nơi cưỡng chế (nếu có):

.....

7. Các nội dung khác (nếu có):

.....

III. Thành phần cưỡng chế; công cụ, phương tiện cưỡng chế:

1. Thành phần cưỡng chế:

.....

2. Công cụ, phương tiện phục vụ cưỡng chế:

III. Chi phí thực hiện cưỡng chế

.....

IV. Tổ chức thực hiện

- Tiến độ thực hiện:
- Chế độ thông tin, báo cáo:
- Những vấn đề khác (nếu có): .....

Phê duyệt của người ra quyết định *(Ký, ghi rõ họ tên)*	Trưởng đoàn cưỡng chế *(Ký, ghi rõ họ tên)*

Nơi nhận:
- .....;
- Lưu: ....